

GIAO LƯU VĂN HÓA CỦA HAI DÂN TỘC VIỆT NAM - NHẬT BẢN QUA HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI CỦA NHẬT BẢN TẠI ĐÀNG TRONG THẾ KỈ XVII

• Dương Tô Quốc Thái^(*)

Tóm tắt

Bài viết trình bày hoạt động thương mại của Nhật Bản tại xứ Đàng Trong thế kỉ XVII. Hoạt động thương mại này đã tạo cơ hội cho hai nước tiếp xúc và giao lưu văn hóa với nhau. Từ đó, đặt nền tảng để hai dân tộc tiếp tục giao lưu văn hóa ở những giai đoạn sau.

Từ khóa: Đàng Trong, Nhật Bản, thương mại, văn hóa, thương gia.

1. Đặt vấn đề

Khi tìm hiểu về hoạt động thương mại tại Đàng Trong thế kỉ XVI - XVII, chúng tôi nhận thấy, thương nhân Nhật Bản giữ vai trò rất quan trọng trong các hoạt động mua bán. Nhờ có thương nhân Nhật Bản, hàng hóa của các nước được chuyên chở về Đàng Trong ngày càng nhiều, sau đó bán lại cho các nước có nhu cầu. Thương nhân Nhật Bản còn giúp các chúa Nguyễn làm thông ngôn để giải quyết các vụ tranh chấp trong trao đổi, mua bán. Họ còn giúp nhà chúa tặng những lễ vật quý cho chính quyền Mạc phủ Tokugawa để thiết lập quan hệ bang giao giữa hai nước. Hoặc đứng ra làm đại diện cho các chúa Nguyễn trong các giao dịch, mua bán với nước ngoài. Song song đó, thương nhân Nhật Bản còn cho xây dựng phố xá, nhà cửa để sinh sống lâu dài. Vì vậy, đã giúp cho nền kinh tế Đàng Trong phát triển thịnh vượng trong thời gian dài, đời sống nhân dân trở nên khá giả, sung túc hơn. Cũng thông qua quá trình trao đổi, buôn bán mà hai dân tộc có dịp giao lưu văn hóa với nhau, tạo tiền đề để hai nước tiếp tục giao lưu văn hóa ở những giai đoạn sau.

2. Nội dung

2.1. Nhu cầu giao thương của Đàng Trong và Nhật Bản trong thế kỉ XVII

Đầu thế kỉ XVII, Đại Việt rơi vào tình trạng chia cắt đất nước do cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều diễn ra trong thế kỉ XVI. Năm 1545, An Thành hầu Nguyễn Kim bị hàn tướng của họ Mạc đầu độc chết. Mọi quyền hành tại Nam triều đều do người con rể Trịnh Kiểm nắm giữ. Để bảo vệ quyền lợi

của mình, Trịnh Kiểm đã tìm cách sát hại những người con còn lại của Nguyễn Kim mà đứng đầu là Nguyễn Ưông. Trước tình thế đó, để bảo toàn tính mạng và được sự gợi ý của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Hoàng đã nhờ chị ruột xin với Trịnh Kiểm cho vào cai quản vùng đất Thuận Hóa. Đến năm 1570, ông được giao cai quản luôn vùng đất Quảng Nam trừ phủ [12, tr. 344]. Tại vùng đất mới, Nguyễn Hoàng và những vị chúa sau đó đã ra sức xây dựng lực lượng, quyết chống lại họ Trịnh. Năm 1627, chiến tranh Trịnh - Nguyễn chính thức bùng nổ, hai bên đánh nhau 7 lần bất phân thắng bại (1627, 1630, 1643, 1648, 1655-1660, 1661 và 1672). Cuối cùng phải lấy sông Gianh (tỉnh Quảng Bình) làm giới tuyến chia đôi đất nước. Từ bờ Nam sông Gianh trở ra bắc là chính quyền của vua Lê - chúa Trịnh, gọi là Đàng Ngoài. Còn từ bờ Bắc sông Gianh trở vào Nam là chính quyền của họ Nguyễn, gọi là Đàng Trong.

Trong thời kì chia cắt đất nước, do tương quan lực lượng của chúa Nguyễn tại Đàng Trong yếu hơn thế lực của chúa Trịnh ở ngoài Bắc cho nên để có thể tồn tại, các chúa Nguyễn tại Đàng Trong đã chủ động mở cửa thông thương với các nước bên ngoài nhằm tìm kiếm một sự giúp đỡ nào đó về mặt quân sự khi cần thiết. Từ đó đã giúp cho nền ngoại thương Đàng Trong phát triển thịnh vượng trong suốt thời gian dài, các chúa Nguyễn có đủ tiềm lực để đương đầu với chúa Trịnh ở phương Bắc. Vì vậy, có thể khẳng định nhu cầu thông thương của các chúa Nguyễn tại Đàng Trong là một nhu cầu sống còn của một dòng họ đang gây dựng cơ nghiệp tại phương Nam.

Ngược lại với xứ Đàng Trong của Đại Việt, nước Nhật vào những năm cuối thế kỉ XVI đã

^(*) Trường Trung học phổ thông Bàn Tân Định, Giồng Riềng, Kiên Giang.

được thống nhất sau một thời gian dài bị chia cắt và nhanh chóng phát triển về mọi mặt. Người đặt nền móng cho sự thống nhất nước Nhật là Oda Nobunaga (Chức Điền Tín Trường, (1534-1582)) một lãnh chúa hạng vừa ở đảo Honshu. Năm 1560, ông đem quân đánh bại các thế lực phong kiến cát cứ tại các địa phương. Đến năm 1573, ông đánh bại Mạc phủ Muromachi và nắm lấy toàn bộ quyền lực. Sau khi ông chết (1582), Toyotomi Hideyoshi đã kế tục sự nghiệp của ông và đem quân đi chinh phục các đảo còn lại. Năm 1590, nước Nhật cơ bản đã thống nhất, chấm dứt thời kì tranh chấp giữa các thế lực phong kiến kéo dài hơn hai thế kỉ. Sau khi đất nước thống nhất, nhu cầu thông thương với các nước bên ngoài trở thành nhu cầu cấp bách đối với nước Nhật. Sở dĩ có tình trạng này là vì dân số Nhật Bản ngày càng tăng. Theo nghiên cứu của Nguyễn Nam Trân từ công trình *Giáo trình Lịch sử Nhật Bản* cho biết: tính đến cuối thế kỷ XVII, dưới thời Mạc phủ Tokugawa người dân sinh sống tại các nông thôn lên tới hơn 6 vạn thôn [15, tr. 407]. Còn dân số sống tại các thành phố lớn khoảng năm 1720 là 8.730.000 dân bao gồm: Edo (Tokyo): 1.000.000 dân; Osaka: 382.000 dân; Kyoto: 341.000 dân; Kanazawa: 65.000 dân; Nagoya: 42.000 dân và Nagasaki: 42.000 dân [15, tr. 413]. Với lực lượng dân số đông lại sống trên những hòn đảo chật hẹp, đất canh tác ít (3/4 đất đai là núi và rừng) thường xuyên bị thiên tai, núi lửa phun trào và động đất thì làm nhân dân Nhật Bản có cuộc sống dư giả được? Tác giả Nguyễn Nam Trân còn cho biết thêm về cuộc sống của nhân dân Nhật Bản dưới thời Mạc phủ Tokugawa như sau: “Đàn ông phải ra công cày cấy, đàn bà lo canh cửi. Tối về cơm nước hai vợ chồng còn phải cùng nhau tiếp tục làm việc” và “nông dân chỉ ăn lúa mạch với tạp cốc. Còn bữa cơm của người dân thành thị (chônin) thường có cơm trắng, sáng kèm theo canh bột đậu nành (misoshiru), trưa ăn món ninh (nimono), chiều ăn dưa chua (tsukemono). Tuy là đạm bạc nhưng đủ mùi vị. Họ lại có phong tục đến mùa nào thì lại ăn những thức ăn đầu mùa (hatsumono)” [15, tr. 412]. Chính vì cuộc sống khó khăn nên chính quyền Mạc phủ Tokugawa đã ban hành sắc lệnh gọi là Keian no ofuregaki (Khánh An ngự xúc thư) nhằm mục

đích “khuyến dụ người nông dân phải ra sức làm việc để khôi phục vào cảnh đói kém” [15, tr. 410].

Song song với sự gia tăng dân số là nhu cầu chi tiêu ngày càng xa hoa, phung phí của chính quyền Mạc phủ và tầng lớp quý tộc Nhật Bản. Đất nước được thống nhất, không còn cảnh chiến tranh loạn lạc, chính quyền Mạc phủ cũng như tầng lớp quý tộc Nhật Bản rất cần tiền để mua sắm trang phục, xây dựng dinh thự, phủ chúa, ban thưởng cho các tướng lĩnh thân cận có công trong chiến trận... Tác giả Nguyễn Nam Trân cho biết như sau: “Năm 1615, Mạc phủ Tokugawa ra lệnh mỗi lãnh chúa ở tiểu quốc chỉ có quyền xây một cái thành cho mình mà thôi” và “năm 1854, Mạc phủ bỏ tiền vào những chi phí trong cung và tổ chức các nghi thức như việc xây dựng lại cung điện ở Kyoto trong lúc công quỹ nhà nước bị thâm thủng” [15, tr. 404-405]. Riêng chính quyền Mạc phủ lại rất cần tiền xây dựng lực lượng quân đội mạnh để kịp thời trấn áp các cuộc nổi loạn, chống đối của các lãnh chúa đại doanh “nhà chúa có một lực lượng quân sự đứng bên trên các lãnh chúa. Shôgun trực tiếp điều khiển những nhóm gia thần gọi là hatamoto (kỳ bản) và go kenin (ngự gia nhân). Bởi vì họ trực thuộc shôgun nên đều có danh hiệu là jikikin (trực cần) hay nhóm tay chân trực tiếp. Thế nhưng họ cũng được đối xử theo hai cách khác nhau. Nhóm hatamoto hay “dưới cờ” thì được diện kiến Shôgun nhưng go kenin “người làm trong nhà” thì không được đặc quyền đó. Hai nhóm thân cận này đảm đương về võ bị hoặc hành chánh. Về võ bị, đó là những người thuộc bankata (ban phương). Bankata lại chia làm ôban (đại ban) cao cấp, hộ vệ cho Shôgun, hay shônban (thư viện ban) chỉ lo việc an ninh trật tự các dinh thự. Về hành chánh, họ làm những chức vụ khác nhau như văn thư, tài chánh và tổ tụng trong yakukata (dịch ban). Vào những lúc có tình huống đặc biệt, ngoài các ban, những lãnh chúa cũng có thể bị đòi hỏi phải gánh vác quân dịch (gun yaku) như việc điều binh đi trấn áp cuộc nổi dậy ở Shimabara ở Kyushuu vào năm 1792 chẳng hạn” [15, tr. 398-399]. Chính vì vậy, nhu cầu ngoại thương của Nhật Bản từ thế kỉ XVI - XVII là nhu cầu cấp thiết của một quốc gia hòa bình, thống nhất và phát triển nhanh chóng về mọi mặt.

Như vậy, mục đích thông thương giữa Đàng Trong của các chúa Nguyễn và Nhật Bản trong thế kỉ XVI - XVII hoàn toàn trái ngược nhau. Mục đích thông thương của các chúa Nguyễn tại Đàng Trong là sự sống còn của một dòng họ đang vươn mình tại phương Nam chống lại lực lượng hùng hậu của chúa Trịnh ở ngoài Bắc. Còn mục đích thông thương của Nhật Bản là sự cấp thiết của một quốc gia thống nhất, phát triển về mọi mặt nhưng lại nghèo tài nguyên thiên nhiên, thường xuyên bị thiên tai, động đất, sóng thần đe dọa. Đặc biệt là dân số ngày càng tăng cùng với nhu cầu chi tiêu ngày càng xa hoa, tốn kém của chính quyền Mạc phủ và giới quý tộc. Chính vì hai mục đích thông thương trái ngược đó đã tạo cơ hội cho thương nhân hai nước gặp gỡ, giao lưu và trao đổi, mua bán.

2.2. Giao lưu văn hóa của hai dân tộc Việt Nam - Nhật Bản qua hoạt động thương mại của Nhật Bản tại Đàng Trong thế kỉ XVII

2.2.1. “Duyên cớ” cho sự thiết lập quan hệ bang giao giữa Việt Nam và Nhật Bản đầu thế kỉ XVII

Theo sách *Đại Nam Thực lục Tiền biên* của Quốc sử quán triều Nguyễn ghi chép: “Vào năm Ất Dậu, năm thứ 28 (1585), mùa xuân, tháng 3, bảy giờ có tướng giặc nước Tây Dương hiệu là Hiễn Quý đi 5 chiếc thuyền lớn, đến đậu ở cửa Việt để cướp bóc ven biển. Chúa sai hoàng tử thứ sáu lĩnh hơn 10 chiếc thuyền tiến thẳng đến cửa biển, đánh tan 2 chiếc thuyền giặc. Hiễn Quý thua, bỏ chạy. Chúa khen, con ta thật anh dũng” [11, tr. 32]. Đây là tài liệu duy nhất của Việt Nam nói về sự tiếp xúc đầu tiên giữa hai nước và sự tiếp xúc đầu tiên này đã để lại ấn tượng không mấy tốt đẹp đối với hai dân tộc.

Tuy nhiên, với “nhân quang” tinh tường của một nhà chính trị và đặt lợi ích dân tộc lên trên, chúa Nguyễn Hoàng ở đất Đàng Trong đã rất khéo léo khi “biến” sự tiếp xúc không mấy tốt đẹp này “thành” sự việc hiểu lầm. Từ đó, tìm cách thiết lập nên mối quan hệ bang giao với chính quyền Mạc phủ Tokugawa. Trong bức thư 1601 của chúa Nguyễn Hoàng gửi cho Tướng quân Tokugawa Ieyasu đã cho thấy rõ sự tinh tế đó. Nội dung bức thư như sau:

Thiên hạ thống binh Đô Nguyên sứ Thụy quốc công nước An Nam.

Nay nhiều lần đội ơn Gia Khang công có ý tốt đã sai Bạch Tàn Hiễn Quý (Shirahama Kenki) mang thuyền tới buôn bán, thông thương kết hiếu, lại đội ơn ban cho thư trát, đó là việc qua lại với quan Đô đường trước kia. Nay tôi vừa giữ chức Đô thống Nguyên sứ, muốn theo việc trước hai nước giao thông, không may đến tháng 4 năm trước Hiễn Quý đỗ thuyền ở cửa biển Thuận Hóa bị sóng gió làm hỏng thuyền, không nơi nương tựa. Quan Đại Đô đường ở Thuận Hóa “không biết” Hiễn Quý là thương nhân lương thiện, tranh cãi với người trên thuyền, không ngờ quan Đô đường lỡ việc qua đời, các tướng sứ đem quân báo oán, và lại ngày ngày đều muốn giết chết Hiễn Quý. Tôi ở Đông Kinh nghe được tin ấy, thương tiếc khôn xiết. Năm trước, tôi vâng mệnh triều đình, lại về trấn lớn, thấy Hiễn Quý vẫn còn ở nước tôi, tôi vốn muốn phát thuyền đưa về, nhưng tiết trời chưa thuận nên kéo dài đến hôm nay. May thấy thương thuyền của quý quốc lại tới, Hiễn Quý am hiểu mọi việc, tôi đều ưng ý. Nên kính cẩn chuẩn bị lễ bạc, tạm biểu lộ ý mọn, ngõ hầu nhận cho. Ngoài ra còn có một phong thư riêng, làm phiền dâng lên thương vị. Sau này Hiễn Quý về nước, “hai nước kết làm anh em, hợp đạo trời đất”. Nếu thật như thế, xin giúp cho quân khí như thuốc súng, sơn cùng khí giới để dùng vào việc nước, thì tôi vô cùng cảm tạ ơn đức, ngày sau sẽ có sức báo ơn, hết lòng chúc tụng. Nay thư.

Ngày 5 tháng 5 năm Hoàng Định thứ 2 (năm 1601 Tây lịch, năm Khánh Trường thứ 6 của Nhật Bản).

Bảng riêng kê năm món tặng vật.

Kỳ nam hương một phiến (ba cân mười lạng). Lụa mịn trắng ba tấm. Mật trắng mười hũ. Gỗ lõi một trăm súc. Chim công năm con” [2].

Qua bức thư trên, chúng ta thấy chúa Nguyễn Hoàng đã rất khéo léo khi dùng từ “không biết” để biến sự tiếp xúc không mấy tốt đẹp giữa hai nước thành sự việc hiểu lầm. Từ đó, đề nghị chính quyền Mạc phủ Tokugawa đặt quan hệ bang giao với Việt Nam - “hai nước kết làm anh em, hợp đạo trời đất”. Sau đề nghị chân thành của chúa Nguyễn Hoàng, chính quyền Mạc phủ Tokugawa Ieyasu cũng đã có sự phúc đáp. Nội dung thư phúc đáp như sau:

Minamoto Ieyasu (Đức Xuyên Gia Khang)

nước Nhật Bản trả lời Thống binh Nguyên súy Thủy quốc công nước An Nam.

Thư tín tới tay, đọc đi đọc lại mấy lần. Thương thuyền đi từ Nagasaki (Trường Kỳ) nước Nhật đến đất ấy gặp gió ngược đắm thuyền, bị hung đồ giết chết, người trong nước nên răn bảo nhau. Đến nay tức hạ võ về nuôi nấng người trên thuyền, nhân từ ơn huệ rất sâu. Những sản vật hiếm của quý quốc đã theo mục lục thu nhận, phàm vật gì lạ từ xa tới ít thấy nên quý. Nay nước tôi bốn bên vô sự, các xứ thanh bình. Thương nhân tới lui buôn bán dưới biển trên bờ không thể gặp chính sự bạo ngược, xin cứ an tâm. Ngày sau thuyền của nước tôi tới đất ấy, cứ lấy dấu ấn trên thư này làm chứng cứ, những thuyền không có dấu ấn thì không nên cho buôn bán. Binh khí của tể bang lơ thơ gửi tặng, quả thật là lông ngỗng từ ngàn dặm. Đang lúc tháng 10, xin giữ gìn trân trọng.

Ngày tháng Tiểu xuân năm Tân Sửu Khánh Trường thứ 6 (1601) [2].

Như vậy, qua thư phúc đáp của chính quyền Mạc phủ Tokugawa Ieyasu gửi chúa Nguyễn Hoàng năm 1601, cho thấy Nhật Bản đã đồng ý thiết lập quan hệ bang giao với chính quyền Đàng Trong của chúa Nguyễn. Nhờ có sự thiết lập mối quan hệ bang giao này đã tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân hai nước trao đổi mua bán, đồng thời, còn là dịp để hai dân tộc giao lưu văn hóa với nhau.

2.2.2. Giao lưu văn hóa của hai dân tộc Việt Nam - Nhật Bản qua hoạt động thương mại của Nhật Bản tại Đàng Trong thế kỉ XVII

Sau khi thiết lập quan hệ bang giao, Chính quyền Nhật Bản Tokugawa đã cấp hàng loạt các “Châu ấn thuyền” cho thương nhân Nhật Bản đến các nước Đông Nam Á để mua bán, trong đó, đất Đàng Trong của chúa Nguyễn là điểm đến lý tưởng thu hút rất nhiều thương nhân Nhật Bản đến đây. Theo nghiên cứu của Giáo sư Iwao Seichi trong bài viết “Nghiên cứu phổ Nhật ở Nam Dương” thì số lượng Châu ấn thuyền Nhật Bản đến Đàng Trong buôn bán từ (1604 - 1635) là 87 chiếc [3]. Còn tác giả Li Tana trong Luận án Tiến sĩ “Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỉ XVII - XVIII”, cho thấy rõ số lượng các châu ấn thuyền Nhật Bản thích đến Đàng Trong để mua

bán hàng hóa hơn so với các nước khác trong khu vực: Annam: 14 chiếc; Tongking: 36 chiếc; Thuận Hóa; 1 chiếc; Cajian: 1 chiếc; Cochinchina (Đàng Trong): 70 chiếc; Champa: 5 chiếc; Cambodia: 44 chiếc; Siam: 56 chiếc và Luzon: 53 chiếc [7, tr. 102]. Các số liệu trên đã chứng tỏ tầm quan trọng của xứ Đàng Trong trong hoạt động thương mại của Nhật Bản lúc bấy giờ.

Đàng Trong được các thương nhân Nhật Bản ghé tới buôn bán nhiều hơn so với các nước khác trong khu vực vì chính quyền của các chúa Nguyễn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho thương nhân người Nhật được tự do buôn bán với nhân dân và thậm chí các chúa cũng tham gia vào mua bán. Từ sau khi thiết lập quan hệ bang giao với chính quyền Mạc phủ Tokugawa, những người kế vị tiếp theo của chúa Nguyễn Hoàng rất chú trọng phát triển thương mại với nước Nhật. Các chúa đã chủ động viết thư và tặng nhiều phẩm vật quý có giá trị cho chính quyền Mạc phủ Tokugawa và đề nghị Chính quyền Mạc phủ Tokugawa gửi nhiều đoàn thuyền sang buôn bán với Việt Nam. Còn trong nước, các chúa Nguyễn cho phép các thương gia Nhật Bản được tự do buôn bán, tự do xây dựng nhà cửa để sinh sống lâu dài tại Đàng Trong. Theo ghi chép của Giáo sĩ Cristophoro Borri (Ý) - người trực tiếp sinh sống tại Hội An 1621 đã kể lại chi tiết sự ưu ái của các chúa Nguyễn giành cho các thương nhân người Nhật như sau: “Chúa Đàng Trong xưa kia cho người Nhật, người Tàu chọn một địa điểm và nơi thuận tiện để lập một thành phố cho tiện việc buôn bán. Thành phố này gọi là Faifo (Hội An) một thành phố lớn đến độ người ta có thể nói được là có hai thành phố, một phố người Tàu và một phố người Nhật. Mỗi phố có khu vực riêng, có quan cai trị riêng và phong tục riêng. Người Tàu có luật lệ và phong tục của người Tàu và người Nhật cũng vậy” [1, tr. 92]. Bên cạnh sự ưu ái đó để thắt chặt hơn nữa mối quan hệ bang giao giữa hai nước, chính quyền của các chúa Nguyễn còn nhận các thương gia người Nhật làm con nuôi, thậm chí gả con gái cho họ. Năm 1604, chúa Tiên - Nguyễn Hoàng đã nhận “Hunamoto Yabeiiji một thương gia và cũng là phái viên đầu tiên của chính quyền Tokugawa tới Đàng Trong

làm con nuôi” [7, tr. 105]. Đến thời trị vì của chúa Sãi - Nguyễn Phúc Nguyên (1613 - 1635) vào năm 1619, chúa đã “thân tình gả quận chúa Ngọc Thanh, con gái nuôi của chúa cho thương nhân Araki Shutaro (Mộc Thân Tông Thái Lang) và còn cho Tông Thái Lang được giữ họ Nguyễn, với tên Việt là Nguyễn Taro (Đại Lương), cự danh là Hiên Hùng” [5, tr. 412].

Ngoài các ưu ái trên, các chúa Nguyễn còn tin tưởng và giao cho các thương gia Nhật Bản đứng ra mua hàng xa xỉ cho mình tại nước Nhật hoặc đại diện cho chúa buôn bán các mặt hàng mà chúa cung cấp. Tác giả Li Tana đã cho biết chi tiết về sự kiện này như sau: “Vào năm 1634, chúa Sãi - Nguyễn Phúc Nguyên gửi cho người con nuôi Toba - thương gia người Nhật, một phong thư yêu cầu Toba mang theo 1000 lạng bạc để mua 50 cái bát nửa bằng vàng, nửa bằng bạc, 50 cái đĩa cũng thuộc loại này. Đến năm 1635, chúa còn gửi thêm cho Toba 300 lạng tơ thô (11.340 gram) và nhờ Toba mua hàng ở Nhật cho chúa theo trị giá của số tơ” [7, tr. 106]. Bản báo cáo của Joast Schouten gửi cho Hendrick Brouwer - Toàn quyền miền đông Ấn cho biết: “Vào tháng 11/1633, có ba chiếc thuyền mạnh của Nhật Bản đã từ Đàng Trong đến buôn bán ở Ayuthya, trong đó có một chiếc do nhà vua (chỉ chúa Nguyễn) và một số viên chức cao cấp của Đàng Trong phái đi với ý định đầu tư vào việc buôn bán da đanh” [7, tr. 106]. Công ty Đông Ấn Hà Lan cũng cho biết thêm: “Năm 1634, có ba chiếc thuyền mạnh của Nhật từ Cochinchina (Đàng Trong) tới Xiêm trong đó có một chiếc do nhà vua (chúa Nguyễn) phái đi mong bán được hàng cho người Moor hoặc người Trung Hoa” [7, tr. 106]. Song song với sự tin tưởng trên, các chúa Nguyễn còn cho phép thương gia Nhật Bản tự bầu chọn người quản lý khu phố mình sinh sống để giữ gìn trật tự trị an và nhiều khi còn sử dụng họ làm công tác thông ngôn cho chính quyền để phiên dịch với thương nhân các nước.

Bên cạnh việc chính quyền các chúa Nguyễn quan tâm và tạo điều kiện cho thương nhân Nhật Bản được tự do mua bán thì hàng hóa tại Đàng Trong rất dồi dào, nhiều chủng loại và giá thành rẻ hơn so với các nơi khác cũng là một nguyên nhân

thu hút thương nhân Nhật Bản đến đây mua bán. Theo nghiên cứu của tác giả Li Tana, trong một chuyến ghé chợ hàng đi từ Đàng Trong vào Nhật Bản năm 1641, số lượng hàng hóa mà thương gia Nhật trở về nước, bao gồm: “sanh tanh, roothout, đường phôi, da cá mập, sittouw, tơ sông Quảng Nam, dừa, da đanh, hồ tiêu, hạt nhục đậu khấu, sừng trâu, sáp ong, sitcleed, paughisij trắng, pelingh, long não, gielem đỏ, ruzhen, gỗ trầm hương, sừng tê, gỗ aguila, thủy ngân, quang dầu Cao Miên, coninex hockin, gắm thêu kim tuyến, nhung, thiếc...” [7, tr. 133]. Còn về lợi nhuận thì Giáo sĩ Cristophoro Borri cho biết, mức lợi nhuận mà các thương gia Nhật Bản thu được khi mua bán tại Đàng Trong như sau: “Kỳ nam nếu mua ở nơi vừa tìm được thì một pound độ 5 ducat, ngay cảng Hội An thì giá cao hơn, có thể lên tới 16 ducat, nhưng khi chuyên chở đến Nhật Bản, giá có thể lên đến 200 ducat và nếu có một khối lớn để có thể làm gối kê đầu, người Nhật Bản có thể trả đến 400 ducat” [14, tr. 168]. Ngoài kỳ nam là mặt hàng sinh lãi cao thì các mặt hàng khác cũng cho lãi suất không kém.

Ngoài hàng hóa dồi dào, sự thiện cảm của nhân dân Đàng Trong đối với thương nhân người Nhật cũng là một lý do làm người Nhật Bản dễ mất đến xứ sở. Thương nhân Nhật Bản từ lâu được biết đến với việc rất giữ gìn “chữ tín” trong kinh doanh, lại hết sức chịu lòng khách hàng. Do đó, khi hoạt động thương mại tại Đàng Trong ngày càng phát triển, nhân dân bị thu hút vào hoạt động sản xuất để phục vụ cho xuất khẩu thì thương nhân Nhật Bản sẵn sàng bỏ ra một số tiền lớn để đặt cọc trước vài năm. Thậm chí, họ còn cung cấp vốn cho nhân dân địa phương mở rộng quy mô sản xuất. Chính với hành động này nên nhân dân địa phương rất có thiện cảm với thương nhân Nhật Bản và sẵn sàng cung cấp các mặt hàng thiết yếu cho người Nhật khi họ cần. Nghiên cứu của Li Tana cho chúng ta thấy rõ điều đó: “Các nhà sản xuất tơ lụa địa phương ở Đàng Trong chia thu hoạch của họ thành hai loại, theo thời điểm tàu Nhật đến: tơ mới được thu hoạch từ tháng tư đến tháng sáu vào thời người Nhật thu mua; tơ cũ được thu hoạch từ tháng mười đến tháng mười hai... nên vụ tơ này quá muộn đối với họ, do

đó phải chờ họ trở lại vào tháng tư năm sau” [7, tr. 103-104]. Đoạn trích này cho thấy, thương gia các nước khác muốn mua tơ sống của nhân dân địa phương không phải chuyện dễ. Vì hầu như người Nhật đã bao tiêu toàn bộ sản lượng tơ sống từ năm này qua năm khác.

Mặt khác, khi đến Đàng Trong buôn bán, thương nhân người Nhật còn có thể gặp gỡ với thương gia các nước trên thế giới, đặc biệt là thương gia Trung Quốc. Từ xa xưa, Nhật Bản đã có mối quan hệ làm ăn mua bán với Trung Quốc và mối quan hệ này được duy trì liên tục. Đến thế kỉ XIV, nước Nhật rơi vào tình trạng chia cắt đất nước, chính quyền Mạc phủ suy yếu, loạn lạc trong nước nổi lên khắp nơi. Từ đó, việc mậu dịch với Trung Quốc không còn được chính quyền quản lý chặt chẽ. Nhân cơ hội đó, cướp biển Nhật Bản (Oa Khấu, Nụy Khấu) nổi lên cướp, phá suốt dọc bờ biển Trung Quốc và Triều Tiên, làm cho chính quyền hai nước phải khốn đốn trong thời gian dài. Cũng vì tình hình đó, năm 1567, Minh Mục Tông (1537 - 1572) đã ban sắc chỉ cấm thương nhân Trung Quốc không được trao đổi, mua bán với người Nhật. Sau khi nước Nhật thống nhất trở lại, chính quyền Mạc phủ trở nên vững mạnh, nạn Oa khấu từ từ bị diệt trừ. Tướng quân Toyotomi Hideyoshi rồi đến Mạc phủ Tokugawa Ieyasu muốn nối lại hoạt động giao thương với nhà Minh Trung Quốc nhưng không thành. Vì vậy, chính quyền Mạc phủ đã cấp các “châu ấn trạng” cho các thương thuyền Nhật Bản đến các hải cảng ở Đông Nam Á để trao đổi buôn bán với người Trung Hoa [7, tr. 96]. Lúc bấy giờ, đất Đàng Trong của các chúa Nguyễn đã có rất đông người Trung Hoa đến sinh sống và buôn bán. Họ cất phố xá, xây dựng nhà cửa, mở cửa hàng, làm trung gian trong các hoạt động trao đổi mua bán tại địa phương... Do đó, đã thu hút ¼ số lượng ghe thuyền Nhật Bản (85 chiếc) cập bến Đàng Trong để mua bán với người Trung Hoa [7, tr. 101-102]. Đó là những lý do giải thích vì sao thương nhân Nhật Bản thích đến Đàng Trong buôn bán hơn so với các nước khác trong khu vực.

Thông qua hoạt động buôn bán này, hai dân tộc Việt Nam - Nhật Bản đã có dịp giao lưu văn hóa với nhau. Trước hết, người Nhật mang hàng của họ

sang bán tại Đàng Trong, sau đó lưu lại Đàng Trong một khoảng thời gian nhất định (thường là từ 3 đến 4 tháng, hoặc ở lâu hơn) để tìm mua những mặt hàng cần thiết mang về nước Nhật. Các mặt hàng mà thương nhân Nhật Bản mang sang Đàng Trong để buôn bán như vũ khí, giáp trụ, đao, kiếm, tiền đồng... Đàng Trong rất cần những mặt hàng này, vì nhu cầu phòng thủ trước cuộc tấn công của họ Trịnh ở Đàng Ngoài. Đặc biệt, việc buôn bán tiền đồng của người Nhật sinh lãi khá cao, mức lợi nhuận trên một chuyến buôn lên tới 44% [14, tr. 183].

Các mặt hàng mà người Nhật nhập về như “tơ, vải thô, lụa đan lát, long não, lô hội, gỗ trầm hương, da cá mập, đường phôi, mật ong, tiêu, vàng, song mây”. Đây là những mặt hàng Đàng Trong có thể tự sản xuất được nên có rất nhiều. Ngoài những mặt hàng này, Đàng Trong còn có thêm nhiều mặt hàng của các vùng lân cận đã được các thương lái thu gom về đây để bán cho các thương nhân Nhật Bản. Những mặt hàng bao gồm:

- Đàng Ngoài: tơ, vải thô, lụa đa-mát, lụa đa-mát mỏng, bạch đậu khấu, quế, yukim (một loại thân thảo dùng để nhuộm vải);

- Champa: gỗ trầm hương, da cá mập, vải bông;

- Cao Miên: da đánh, quang dầu, ngà, sáp ong, mật ong, đường phôi, sừng trâu, sừng tê, trâu, hạt shaulmoogra, tiêu, da cá mập, đuôi công, vải bông, yukin;

- Xiêm: thảo mộc dùng để nhuộm, da đánh, da cá mập, sừng trâu, chi thiếc, cinnabar Ấn Độ, long não, bông gạo, ngà voi, song mây, san hô, lô hội;

- Patani: tiêu, da cá mập, ngà voi [7, tr. 109].

Số tiền mà các thương nhân Nhật Bản bỏ ra để buôn bán với Đàng Trong là từ 4 cho đến 5 triệu lạng bạc. Nhà nghiên cứu Iwao Seichi cũng cho rằng: “Mỗi châu ấn thuyền mang theo một số vốn trị giá 400 kan (400.000 đồng tiền đồng), tối thiểu vào buổi đầu và 1.620 kan (1.620.000 đồng) vào giai đoạn cuối [7, tr. 111]. Với số lượng tiền khổng lồ được các thương nhân Nhật Bản mang vào Đàng Trong buôn bán đã giúp cho nền thương mại Đàng Trong trở nên phồn thịnh. Đời sống nhân dân tại Đàng Trong được cải thiện hơn so với nhân dân tại Đàng Ngoài.

Cũng trong quá trình trao đổi buôn bán, các

thương nhân Nhật Bản đã xây cất phố xá, nhà cửa tại Đàng Trong để lưu trú lâu dài hoặc chờ cho đến mùa gió mậu dịch thổi từ đất liền ra biển là sẽ nhổ neo trở về cố quốc. Trong khoảng thời gian lưu trú đó (ít nhất là từ 3 cho đến 4 tháng) [3], thương gia Nhật Bản có điều kiện khám phá vẻ đẹp của non, nước xứ Đàng Trong như ăn những món ăn của nhân dân bản xứ nấu; tìm hiểu về phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội; cách ăn mặc, cách sống, suy nghĩ của người Việt... Ngược lại, trong thời gian thương nhân Nhật Bản lưu lại đất Đại Việt, người Việt cũng có điều kiện tiếp xúc với người Nhật Bản, hiểu hơn về đất nước, con người, phong tục, tập quán, tín ngưỡng đến văn hóa ẩm thực, cách ăn mặc, xưng hô, cách sống và làm việc của người Nhật... Chính việc giao lưu văn hóa này đã để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng hai dân tộc.

Kết quả là người dân Đại Việt - xứ Đàng Trong rất quý mến và tin tưởng vào người Nhật, họ thường ưu tiên bán hàng hóa (đặc biệt là tơ lụa) cho thương nhân Nhật Bản. Còn chính quyền của các chúa Nguyễn rất tin tưởng và hết lòng ưu ái đối với các thương gia Nhật Bản như việc chúa Tiên - Nguyễn Hoàng đã nhận Hunamoto Yabeiji một thương gia người Nhật và cũng là phái viên đầu tiên của chính quyền Tokugawa làm con nuôi. Chúa Sãi - Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635) thì gả quận chúa Ngọc Thanh, con gái nuôi của chúa cho thương gia Araki Shutaro (Mộc Thôn Tông Thái Lang) và còn cho Tông Thái Lang được giữ họ Nguyễn, với tên Việt là Nguyễn Taro (Đại Lương), cự danh là Hiên Hùng. Giao cho thương gia Toba 1000 lạng bạc để mua hàng xa xỉ bên Nhật cho chúa. Đại diện chúa đứng ra mua bán hàng hóa tại một số nước...

Ngược lại, người Nhật cũng rất quý mến đất nước và con người Việt Nam (Đàng Trong). Nhiều năm lưu trú trên đất Đại Việt, xa quê hương xứ sở nên có nhiều thương gia người Nhật đã lập gia đình với phụ nữ Việt và có nhiều đóng góp cho cộng đồng nơi mình sinh sống. Theo nghiên cứu của tác giả Lục Đức Thuận và Võ Quốc Ky trong công trình “Tiền cổ Việt Nam” cho chúng ta biết “nhiều người Nhật đã góp công vào việc trùng tu những đình chùa, xây dựng những kiến trúc lợi ích

công cộng. Chùa Cầu hay chùa Nhật Bản, Nhật Bản kiều (Nihonbashi), nối liền hai con đường Trần Phú và Nguyễn Thị Minh Khai ở phố cổ Hội An ngày nay do người Nhật xây cất từ thời đó để nối liền khe nước ngăn giữa phố Hoa, các làng Thanh Hà, Cẩm Phô của người Trung Quốc với Nhật Bản dinh của người Nhật. Người ta cũng tìm thấy trên những bia đá ghi công đức trùng tu ở chùa Non Nước là những bằng chứng nói lên sự hòa nhập vào nếp sống của Đại Việt thuở đó của các thương gia Nhật Bản”. Và còn theo “bia đá Phô Đà linh sơn trung Phật trong núi Non Nước, vùng Đà Nẵng có ghi chép công đức đóng góp tiền bạc trùng tu nơi thờ Phật trên núi Phô Đà và tân tạo chùa Bình An vào năm 1640, cho thấy trong 82 tên người đóng góp đã có 15 người Nhật Bản và phần đóng góp của người Nhật Bản rất cao. Số tiền đóng góp lên đến 871 quan tiền đồng, trong tổng số 1.522 quan” [14, tr. 170-171].

Như vậy, qua hoạt động giao thương của các thương nhân Nhật Bản tại Đàng Trong ở thế kỉ XVII mà hai dân tộc Việt Nam - Nhật Bản có điều kiện được giao lưu văn hóa với nhau. Chính sự giao lưu, trao đổi văn hóa này đã để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng mỗi dân tộc, tạo tiền đề để hai dân tộc xích lại gần nhau và giúp đỡ nhau trong những thế kỷ tiếp theo.

Sau khi chính quyền Nhật Bản ban hành chính sách hải cấm vào năm 1635, các thương thuyền Nhật Bản cũng lần lượt vắng bóng tại đất Đàng Trong nhưng những hình ảnh tốt đẹp về đất nước và con người Nhật Bản vẫn còn lưu giữ ít, nhiều trong tâm trí người Việt. Đến thế kỉ XIX, đất nước được thống nhất dưới Vương triều Nguyễn (1802 - 1945), người Việt lại có dịp giúp đỡ những thương gia Nhật Bản bị nạn, trôi dạt vào bờ biển Việt Nam. Theo sách “Quốc triều chính biên toát yếu” của Quốc sử quán triều Nguyễn ghi chép: “Vào năm Nhâm Thân (1872), năm Tỵ Đức thứ 25, tháng Giêng, vua sai cấp tiền, gạo, quần áo và hỗ trợ bùong lái cho tàu nước Lưu Cầu (Ryukyu) bị gió xiêu đến địa phận nước ta” [10, tr. 190].

Và nước Nhật cũng vậy, tuy không còn buôn bán với Việt Nam, nhưng những hình ảnh về đất nước và con người Việt Nam vẫn còn được lưu

giữ trong kí ức của nhân dân Nhật Bản để rồi sau đó, cũng vào thế kỉ XIX, dưới triều vua Gia Long thứ 14 (1815), 5 người lính Việt Nam từ thành Gia Định chèo bè gỗ về kinh đô Huế bị gió lốc cuốn trôi sang đất Nhật và đã được quan và dân địa phương ở Nhật cứu giúp. Sau đó, họ được chính quyền Nhật Bản giúp đỡ để trở về quê hương. Trước sự giúp đỡ tận tình của nhân dân Nhật Bản, những người lính này đã kể lại những điều tai nghe mắt thấy về đất nước và con người Nhật Bản cho vị đại thần là Trương Đăng Quế nghe. Với tài văn chương của mình, ông đã ghi lại toàn bộ sự việc đó và mô tả khá súc tích về phong tục, tập quán và sinh hoạt của nhân dân Nhật Bản lúc bấy giờ với tên “Nhật Bản kiến văn lục” [8, tr. 1] trình cho vua Minh Mạng xem. Đến đầu thế kỉ XX, một lần nữa hai dân tộc Việt Nam và Nhật Bản lại có dịp giao lưu trao đổi văn hóa với nhau. Lúc bấy giờ, Nhật Bản đã duy tân thành công (1868) và trở nên hùng cường khi đánh bại Đế quốc Nga Sa hoàng trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905). Xứ sở Hoa Anh đào lại một lần nữa “sống lại” trong bao kí ức của nhân dân yêu nước Việt Nam về một thuở bang giao xa xưa. Do đó, đã nổ ra phong trào Đông Du (1904 - 1908) sang Nhật Bản học tập kinh nghiệm để về cứu quê hương, đất nước khỏi ách cai trị của thực dân Pháp. “Một nước đồng văn, đồng chủng” [6, tr. 137] mà lại là nước tiên tiến. Dưới sự giúp đỡ của Nhật Bản, nhiều trí thức Việt Nam đã học tập và tiếp thu nền văn hóa Nhật Bản. Đến khi phong trào Đông Du tan rã, nhiều trí thức Việt Nam trở về nước đã kíp giới thiệu và phổ biến nền văn hóa Nhật Bản cho nhân dân cả nước biết và học hỏi theo. Ngoài các sự kiện vừa nêu trên, quá trình giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và Nhật Bản vẫn được hai nước chú trọng kể từ khi Việt Nam giành độc lập, hòa bình và thống nhất đất nước.

3. Kết luận

Đầu thế kỉ XVII, Đại Việt lâm vào khủng hoảng chính trị dẫn đến chia cắt đất nước. Hình thành nên hai chính quyền riêng biệt, đối địch nhau. Sử cũ gọi là Đàng Trong chính quyền của các chúa Nguyễn và Đàng Ngoài chính quyền của vua Lê - chúa Trịnh. Trong thời kì đất nước bị chia

cắt, do lực lượng của các chúa Nguyễn tại Đàng Trong yếu hơn so với lực lượng của các chúa Trịnh ở ngoài Bắc. Để có thể tồn tại, chính quyền của các chúa Nguyễn đã chủ động mở thông thương với các nước bên ngoài nhằm tìm kiếm một sự giúp đỡ về mặt quân sự trong tương lai. Cũng vì lẽ đó, nhu cầu thông thương với các nước bên ngoài trở thành nhu cầu sống còn đối với một dòng họ đang gây dựng cơ nghiệp tại phương Nam. Trong khi đó, nước Nhật vào những năm cuối thế kỉ XVI bắt đầu thống nhất trở lại sau một thời gian dài bị chia cắt và nhanh chóng phát triển về mọi mặt. Sau khi đất nước thống nhất nhu cầu thông thương với các nước bên ngoài ngày càng trở nên cấp thiết. Vì dân số ngày càng đông, đất canh tác ít, lại sống trên những hòn đảo chật, hẹp, thường xuyên bị thiên tai, núi lửa phun trào... Thêm vào đó, nhu cầu chi tiêu ngày càng xa hoa, tốn kém của chính quyền Mạc phủ và giới quý tộc. Chính vì hai hoàn cảnh trái ngược này đã tạo cơ hội cho thương nhân hai nước gặp gỡ và trao đổi mua bán, đồng thời, còn đặt nền móng để hai dân tộc Việt Nam - Nhật Bản thiết lập mối quan hệ bang giao hữu nghị và giao lưu văn hóa.

Theo “Đại Nam Thực lục Tiền biên” của Quốc sử quán triều Nguyễn ghi chép lần tiếp xúc đầu tiên giữa Đàng Trong của các chúa Nguyễn với Nhật Bản diễn ra không mấy tốt đẹp và để lại ấn tượng xấu trong lòng hai dân tộc. Nhưng với nhãn quang của một nhà chính trị và biết đặt lợi ích lên trên hết, chúa Nguyễn Hoàng của đất Đàng Trong đã khéo léo “biến” sự tiếp xúc không mấy tốt đẹp này thành sự việc “hiểu lầm” để từ đó đặt quan hệ bang giao với chính quyền Mạc phủ Tokugawa. Từ khi thiết lập mối quan hệ bang giao với chính quyền Mạc phủ, số lượng các châu ấn thuyền của Nhật Bản đến Đàng Trong mua bán ngày càng đông. Nhờ vậy đã giúp cho nền kinh tế Đàng Trong phát triển thịnh vượng trong một thời gian dài. Cũng trong quá trình mua bán tại Đàng Trong, nhiều thương gia Nhật Bản đã xây cất phố, xá, nhà cửa để sinh sống lâu dài trên đất Việt. Do đó, hoạt động giao lưu văn hóa giữa hai dân tộc bắt đầu hình thành, tạo tiền đề để hai dân tộc tiếp tục giao lưu văn hóa với nhau ở những giai đoạn sau./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Christoforo Borri (Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên dịch) (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2]. Đoàn Lê Giang (2014), “Ngoại phiên thông thư - Tập tư liệu cổ về quan hệ Việt - Nhật”, *Phát triển Khoa học công nghệ*, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tập 17, X2.
- [3]. Võ Văn Hoàng (2009), “Người Nhật ở Hội An thế kỉ XVI - XVII”, *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 11.
- [4]. Nguyễn Văn Kim (2003), *Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV - XVII*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5]. Phan Khoang (2001), *Việt sử Xứ Đàng Trong*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [6]. Đinh Xuân Lâm (2005), *Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [7]. Li Tana (Nguyễn Nghị dịch) (2013), *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỉ XVII - XVIII*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [8]. Ngô Thế Long (1990), “Một tài liệu cổ do người Việt Nam về Nhật Bản, cuốn Nhật Bản kiến văn lục”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1.
- [9]. Nguyễn Tiến Lực (2013), *Nhật Bản - Những bài học từ lịch sử*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
- [10]. Quốc sử quán triều Nguyễn (Cao Xuân Dục chủ biên) (1972), *Quốc triều chính biên toát yếu*, NXB Nhóm Nghiên cứu Sử - Địa Việt Nam.
- [11]. Quốc sử quán triều Nguyễn (Viện Sử học dịch) (2007), *Đại Nam Thực lục, tập 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [12]. Trương Hữu Quýnh (2001), *Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [13]. Vĩnh Sính (2001), *Việt Nam và Nhật Bản: Giao lưu văn hóa*, NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
- [14]. Lục Đức Thuận, Võ Quốc Ky (2009), *Tiền cổ Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [15]. Nguyễn Nam Trân (2013), *Giáo trình Lịch sử Nhật Bản*, Tokyo, Bản thảo.

**CULTURAL EXCHANGES BETWEEN VIETNAM - JAPAN VIA JAPAN'S
COMMERCIAL ACTIVITIES IN COCHINCHINA IN THE XVII CENTURY**

Summary

The article presents Japan's commercial activities in Cochinchina in the 17th century. This created opportunities for the two nations to have contacts and cultural exchanges. Thereby, the two nations kept on having their cultural exchanges in the later stages.

Keywords: Cochinchina, Japan, commerce, cultural, trader.

Ngày nhận bài: 17/3/2017; Ngày nhận lại: 09/5/2017; Ngày duyệt đăng: 25/7/2017.